ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 204 /KH-UBND	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 17/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4476/BKHĐT-HTX ngày 14/7/2020 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập giai đoạn 2021-2025 với các nội dung cụ thể sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tình hình chung

Từ năm 2016 đến nay, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Ninh có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế của tỉnh. Nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng, hoàn thiện. Tổ chức bộ máy và công tác quản lý nhà nước từng bước được củng cố.

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã vẫn còn hạn chế: Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỷ lệ đóng góp vào GRDP chưa đáp ứng yêu cầu; phần lớn tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các địa phương, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm; việc thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 còn nhiều vướng mắc; sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu.

1.1. Tổ hợp tác (THT)

Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 200 THT, tăng 4,9% so với năm 2016[1] trong đó có 190 THT có chứng thực, trong đó có 110 THT hoạt động trong lĩnh

[1] Tính đến hết tháng 12/2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 131 THT.

vực nông - lâm - ngư nghiệp, 04 THT hoạt động dịch vụ tổng hợp, 43 THT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và lĩnh vực khác.

Bình quân 1 THT có 3 thành viên, ước đến 31/12/2020 có 580 thành viên tham gia, tăng 47,5% so với năm 2016[2].

Về doanh thu và thu nhập: Đối với THT, doanh thu bình quân 1 THT ước đạt 270 triệu đồng/năm, tăng 39,5% so với năm 2016, thu nhập trung bình của 1 lao động THT đạt 3,3 triệu đồng/người/tháng.

Các THT có quy mô nhỏ, công tác tổ chức quản lý và điều hành còn giản đơn, bó hẹp trong phạm vi nhất định, trình độ cán bộ quản lý chưa cao, chủ yếu quản lý điều hành bằng kinh nghiệm nhưng hợp tác trong các thành viên linh hoạt, gọn nhẹ. Hoạt động của các THT đã có nhiều sự giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống, giúp các hộ thành viên một phần về nhu cầu vốn và kỹ thuật. Tuy nhiên, còn một số THT không có thỏa thuận hợp tác, không có chứng thực của chính quyền địa phương, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ quản lý THT còn hạn chế.

Nhìn chung, THT hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nhưng do số lượng thành viên ít (bình quân 03 người/THT), thường tập trung thành viên trong hộ (hoặc nhóm hộ) nên việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh cũng như việc phân chia lợi nhuận, kết quả sản xuất diễn ra chủ động và thuận lợi hơn so với HTX.

1.2. Hợp tác xã

Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 594 HTX, tăng 51,5% so với năm 2016[3] trong đó số HTX hoạt động lĩnh vực nông nghiệp là 381 HTX, chiếm 64,1%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 34 HTX, chiếm 5,7%; Xây dựng 13 HTX chiếm 2,1%; Giao thông vận tải 44 HTX, chiếm 7,4%; Vệ sinh môi trường 08 HTX, chiếm 1,3%; Thương mại, dịch vụ 90 HTX, chiếm 15,1%; lĩnh vực khác 24 HTX, chiếm 4%.

- Về chuyển đổi và đăng ký hoạt động HTX: Thực hiện theo Nghị định số 16/NĐ-CP ngày 21/2/1997 về chuyển đổi và đăng ký hoạt động kinh doanh HTX theo Luật HTX năm 2003, đến năm 2008, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 124/144 HTX DVNN theo Luật; Đến thời điểm Luật Hợp tác xã 2012 có hiệu lực, toàn tỉnh có 162 HTX thành lập trước 01/7/2013 cần thực hiện chuyển đổi, đăng ký lại (82 HTX có kế hoạch chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật; 80 HTX hoạt động yếu kém và ngừng hoạt động cần giải thể). Năm 2017 tỉnh đã thực hiện chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX 2012 là 79/80 HTX đạt 98,8% kế hoạch.

Giai đoạn 2016-2020 có 252 HTX thành lập mới, 125 HTX giải thể. Tỉnh Quảng Ninh luôn duy trì trong nhóm các tỉnh có số HTX thành lập mới cao nhất toàn quốc.

Số thành viên của HTX ước đến 31/12/2020 là 55.000 người, giảm 12,8% so với năm 2016.

Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GRDP ước tại thời điểm 31/12/2020 là 1,2% giảm 0,14% so với thời điểm 31/12/2016.

---

[2] Tính đến hết tháng 12/2016 có 291 thành viên tham gia THT.

[3] Tính đến hết tháng 12/2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 392 HTX.

Tổng số vốn hoạt động là 918.000 triệu đồng, giá trị tài sản của HTX là 1.500 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2016; doanh thu bình quân một HTX là 600 triệu đồng; tăng 19,7% so với năm 2016, lãi bình quân một HTX là 290 triệu đồng, giảm 3,3% so với năm 2016; thu nhập bình quân lao động thường xuyên của HTX là 69 triệu đồng, tăng 149,2 % so với năm 2016.

Số lượng cán bộ quản lý HTX ước đến 31/12/2020 là 5.270 người, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp là 3.980 người; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 1.290 người; số cán bộ có trình độ sau đại học là 0; số cán bộ HTX được hỗ trợ bảo hiểm xã hội là 300; tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo nghề chiếm ¼ so với tổng số lao động.

Trong bối cảnh kinh tế tập thể vẫn phát triển với quy mô nhỏ, đa phần sản xuất theo kiểu truyền thống thì sự liên kết lại càng cần thiết, nhất là liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa. Quảng Ninh đã có một số HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hoá[4].

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế đối với HTX hiện nay, cụ thể: Nhiều HTX vẫn ở trong tình trạng khó khăn, yếu kém kéo dài, năng lực nội tại của các HTX còn yếu, cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ công nghệ lạc hậu; năng lực, trình độ cán bộ quản lý trong khu vực HTX còn hạn chế, không đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay; Một số HTX thực hiện đăng ký lại còn hình thức, phương thức hoạt động không thay đổi, chưa đáp ứng được các quy định của Luật HTX năm 2012; Sự liên kết, hợp tác giữa các HTX chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp, vai trò của liên hiệp hợp tác xã chưa được phát huy; Công tác kế toán, tài chính của HTX chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản, do đó chế độ báo cáo của HTX chưa thường xuyên, việc xây dựng báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

1.3. Liên hiệp HTX

Toàn tỉnh hiện có 03 Liên hiệp HTX (02 Liên hiệp thành lập năm 2019, 01 Liên hiệp HTX thành lập tháng 1/2020). Trong đó có 02 LHHTX nông nghiệp, tổng hợp và 01 LHHTX phi nông nghiệp, tổng vốn đăng ký là 66,1 tỷ đồng. Năm 2016, toàn tỉnh chưa có Liên hiệp HTX nào. Dù mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng LHHTX đã chứng minh tính hiệu quả, vai trò dẫn dắt KTTT, HTX phát triển theo hướng liên kết bền vững. Mỗi Liên hiệp Hợp tác xã thu hút hàng chục lao động làm việc thường xuyên.

---

[4] HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong (TX. Đông Triều) chế biến sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao an toàn với trung tâm sơ chế và chế biến bảo quản nông sản chất lượng cao tại xã Hồng Phong với diện tích 5.000m2, xây dựng thương hiệu OCOP cho các sản phẩm của HTX; HTX SXKD, DVNN Bình Dương (TX. Đông Triều) tham gia chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ các sản phẩm, hàng hóa quy mô lớn đối với cây vụ đông, đặc biệt là khoai tây Atlantic với Công ty Orion Hàn Quốc, hiện nay diện tích trồng cây khoai tây Atlantic là 56,2ha; HTX nông dược xanh tinh hoa (TP Hạ Long) trồng sơ chế biến dược liệu, cất chiết tinh dầu, sản xuất đóng gói khép kín với diện tích 25ha; HTX Sản xuất và Dịch vụ công nghiệp Phú Hải (TX Đông Triều) sản phẩm cây hương xuất khẩu Trung bình 1 năm, HTX xuất khẩu được gần 1.000 tấn hương, doanh thu hơn 10 tỷ đồng;... Đây là những chuỗi giá trị liên kết từ nông dân đến doanh nghiệp thông qua kết nối của các HTX và tổ hợp tác theo phương thức doanh nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp giống, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh và bao tiêu đầu ra sản phẩm. Các sản phẩm rau an toàn hiện đã có mặt tại các trung tâm thương mại lớn Như Vinmart, BigC, Megamart (trước là Metro)....

2. Thực trạng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực

Ước đến 31/12/2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 594 HTX, trong đó Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp là 381 HTX, tăng 156 HTX so với năm 2016; Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là 34 HTX, tăng 4 HTX; Hợp tác xã thương mại 90, tăng 58 HTX; Hợp tác xã vận tải 44 HTX, tăng 24 HTX; Hợp tác xã xây dựng là 51 HTX, tăng 20 HTX so với năm 2016.

Có thể thấy cơ cấu trong khu vực HTX đã có chuyển dịch dần từ nông ngư nghiệp sang dịch vụ thương mại, cụ thể: số HTX thương mại tăng từ 52 HTX vào năm 2016 (chiếm 13,6%) lên 90 HTX vào năm 2020 (chiếm 15,1%), HTX xây dựng tăng từ 10 HTX lên 13 HTX, HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 30 HTX lên 34 HTX. Các HTX hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

(1) Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, ngư, diêm nghiệp

Có 381 HTX, 110 THT, 02 Liên hiệp HTX, tăng 156 về số HTX, giảm 10 THT và tăng 02 liên hiệp HTX so với thời điểm 31/12/2016. Trong đó:

- Tổ hợp tác: có 110 tổ hợp tác có đăng ký chứng thực với khoảng 740 thành viên tham gia, bình quân một tổ hợp tác có gần 7 thành viên. Trong tổng số tổ hợp tác, có 27 THT hoạt động dịch vụ nông nghiệp, 02 tổ hợp tác hoạt động dịch vụ lâm nghiệp, 26 THT hoạt động dịch vụ chăn nuôi, 11 THT hoạt động dịch vụ nuôi trồng thủy sản, 20 THT hoạt động dịch vụ khai thác và chế biến thủy sản, 14 THT hoạt động dịch vụ chế biến và tiêu thụ nông sản, 10 THT hoạt động dịch vụ tổng hợp. So với thời điểm 31/12/2016 tăng 57 THT và 420 thành viên.

- Hợp tác xã: Có 381 HTX, với tổng số thành viên tham gia các HTX năm 2020 là 26.576 người, so với năm 2016 (105.520 thành viên) giảm 78.944 thành viên. Tổng số cán bộ quản lý HTX là 1.470 người. Các HTX đều có Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát. Trong ban quản lý, cán bộ có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học là 186 người, chiếm 12,6%; trung cấp là 235 người, chiếm 16,3%; sơ cấp là 527 người, chiếm 35,8%.

+ Về lao động trong các HTX nông nghiệp về cơ bản là các thành viên tham gia liên kết hoặc các thành viên HĐQT HTX nên số lượng không lớn so với tổng số thành viên. Năm 2020 số lao động thường xuyên trong các HTX nông nghiệp là 21.320 lao động.

+ Về số vốn hoạt động của các HTX nông nghiệp năm 2020, bình quân vốn hoạt động của 1 HTX đạt 1.271,18 triệu đồng. So với năm 2016 (bình quân đạt 1.253,06 triệu đồng/HTX) thì tổng số vốn các HTX nông nghiệp trên địa bàn tăng thêm 18,11 triệu đồng. Nhóm HTX có vốn điều lệ cao chủ yếu là những HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp và một số chăn nuôi, thủy sản.

+ Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của các HTX nông nghiệp so với các loại hình kinh tế khác vẫn ở mức thấp. Doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp trong năm 2020 ước đạt 850 triệu đồng/HTX/năm. So với năm 2016 (đạt 653 triệu đồng/HTX/năm) thì doanh thu bình quân các HTX tăng 197 triệu đồng/HTX/năm (tăng hơn 1,3 lần).

Nhìn chung hiệu quả hoạt động của các HTX, THT dịch vụ nông nghiệp chưa thực sự hiệu quả, các HTX thành lập mới có tính chất hoạt động đa ngành, đa

lĩnh vực. Các HTX tập trung vào hoạt động dịch vụ thuỷ nông, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thuốc BVTV phòng trừ sâu bệnh, chuyển giao KHKT, hoạt động chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản,... Một số HTX nông nghiệp phát triển theo hướng kinh doanh đa ngành đa lĩnh vực, vừa làm dịch vụ phục vụ hoạt động kinh tế thành viên, vừa phát triển các dịch vụ tín dụng, thương mại và dịch vụ đời sống. HTX làm ăn có lãi chủ yếu tập trung vào các HTX nuôi trồng thuỷ sản và số ít các HTX làm dịch vụ nông nghiệp. Còn lại các HTX dịch vụ nông nghiệp hầu như không có, nhiều nơi doanh thu của HTX không đảm bảo được thu nhập cho cán bộ làm công tác quản lý dẫn đến tình trạng hoạt động của HTX bị xem nhẹ, cán bộ làm kiêm nhiệm và có xu hướng chuyển sang hoạt động lĩnh vực khác.

(2) Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Có 34 HTX, 55 THT, tăng 4 HTX và tăng 25 THT so với thời điểm năm 31/12/2016. Đa số các HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thành lập từ trước khi có Luật HTX. Các HTX, THT hoạt động khá đa dạng về ngành nghề, tuy nhiên đa số hoạt động với quy mô nhỏ, thành viên ít, góp vốn không đầy đủ, sản phẩm sản xuất ra chưa tiếp cận được với các đơn hàng lớn.

(3) Lĩnh vực giao thông vận tải

Có 44 HTX tăng 15 HTX so với thời điểm 31/12/2016, Nguồn vốn của HTX được hình thành từ tài sản của các cá nhân hợp tác với nhau tạo thành thế mạnh để hoạt động nhưng thực chất tài sản là thuộc sở hữu của cá nhân. Bộ máy quản lý gọn nhẹ, Chủ nhiệm HTX chủ động giải quyết, xử lý thông tin trong quá trình sản xuất kinh doanh, các chủ phương tiện phải trích một số % theo doanh thu nộp vào HTX để chi phí, nộp thuế và chi các khoản giao dịch khác. Về phân phối, khi các chủ phương tiện trích tỷ lệ % theo doanh thu vào quỹ HTX, HTX sau khi trừ các chi phí và trích lập các quỹ theo điều lệ HTX quy định, số còn lại phân phối tiếp và tái đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Lương và các khoản chi phí khác do chủ phương tiện tự chi trả theo hình thức khoán cho các thành viên tham gia lao động. 10 HTX vận tải trước đây hiện đã giải thể hoặc đã chuyển đổi từ hình thức sở hữu HTX sang công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Các HTX vận tải đã chuyển đổi và các HTX thành lập mới theo Luật HTX hoạt động năng động và có hiệu quả, vay vốn phát triển sản xuất thuận lợi vì sau khi thành lập và chuyển đổi không phải giải quyết các vấn đề còn tồn tại, bộ máy hoạt động gọn nhẹ, nhanh nhạy hơn trong cơ chế thị trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, là chỗ dựa đáng tin cậy của các chủ hàng.

(4) Lĩnh vực xây dựng

Có 51 HTX, 3 THT, tăng 20 HTX và giảm 5 THT so với thời điểm 31/12/2016 đang hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với quy mô nhỏ, tập trung chủ yếu là vùng nông thôn, ven đô thị, cung ứng nguyên liệu cho lĩnh vực xây dựng, phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng. Các HTX thành lập theo hướng tự phát, tỷ lệ cán bộ qua đào tạo so với xã viên rất thấp.

(5) Lĩnh vực tín dụng

Có 2 HTX, Bộ máy của HTX chủ yếu là tập hợp các cán bộ tín dụng của ngành ngân hàng, được đào tạo cơ bản, đã nghỉ hưu nhưng vẫn còn sức khỏe tham

gia lãnh đạo, quản lý, điều hành. Kết quả hoạt động của HTX được đánh giá là tốt, doanh số và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

(6) Lĩnh vực thương mại, chợ và các dịch vụ khác

Có 104 HTX, hầu hết các HTX thương mại đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn các HTX trong các lĩnh vực khác. Phần lớn các HTX vẫn có quy mô nhỏ, chất lượng hàng hoá dịch vụ chưa cao, vốn sản xuất kinh doanh ít, nộp ngân sách còn thấp. Số HTX hoạt động hiệu quả tập trung chủ yếu tại một số địa phương Như Hạ Long, Đông Triều, Cẩm Phả, Uông Bí tại đây đã có nhưng HTX lớn khẳng định được vị trí của mình tại thị trường trong nước[5]. Các địa phương khác mặc dù có số HTX lớn nhưng đa phần hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (trên 70%) với hoạt động là dịch vụ thuỷ nông, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thuốc BVTV phòng trừ sâu bệnh, chuyển giao KHKT,..hiệu quả kinh doanh thấp hầu như không có lãi, thậm trí doanh thu của HTX không đảm bảo được thu nhập cho cán bộ làm công tác quản lý.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC VỚI KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Các căn cứ pháp lý

Xác định vai trò và tầm quan trọng của KTTT, HTX, trên cơ sở các quy định của Trung ương, nhất là từ khi Luật HTX năm 2012 được ban hành với 06 chính sách hỗ trợ: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX; tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; chính sách hỗ trợ thành lập mới;... Các chính sách này cụ thể hóa trong Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014.

Trên cơ sở Luật HTX năm 2003, Luật HTX năm 2012 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về phát triển kinh tế tập thể, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết, Chỉ thị và văn bản, thông báo kết luận để chỉ đạo thực hiện, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết, văn bản liên quan đến quy hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, kinh tế tập thể. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định, văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Các chính sách hỗ trợ đã tạo động lực thúc đẩy KTTT, HTX phát triển và bước đầu đã mang lại kết quả tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội nhất là Chương trình xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn toàn tỉnh. Các văn bản của tỉnh đã ban hành gồm: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành 1 chỉ thị về tiếp tục đổi mới,

---

[5] HTX dịch vụ vận tải Hải Long - Thành phố Hạ Long, HTX vận tải Thanh Sơn - Thành phố Uông Bí, HTX sứ Đông Thành – thị xã Đông Triều hoạt động ở lĩnh vực vận tải, HTX Đức Chính, huyện Đông Triều, HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong thị xã Đông Triều, HTX SXKD, DVNN Bình Dương thị xã Đông Triều..

kinh tế tập thể[6]; 06 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh[7]; 16 Quyết định, Kế hoạch của của Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện về phát triển kinh tế tập thể[8]. Ngoài ra, từ năm 2006 đến nay, hàng năm tỉnh đều ban hành kế hoạch về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và có quyết định phê duyệt kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX trên địa bàn tỉnh.

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

---

[6] Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 07/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

[7] Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 18/11/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016; Nghị quyết số 231/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 18/11/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016; Nghị quyết số 232/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

[8] Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 UBND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung của quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2016; Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí cánh đồng mẫu lớn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 2100/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh về Kế hoạch đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh về Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 84/2015/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh bổ sung một số điều của Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014-2016 ban hành kèm theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 899/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định điều kiện áp dụng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định mức hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt danh sách HTX tham gia mô hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn tại HTX nông nghiệp giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định triển khai thực hiện Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2019-2023; Kế hoạch số 667/KH-UBND, ngày 05/2/2016 của UBND tỉnh về phát triển HTX - DNNQD trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh năm 2016; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 31/8/2017 của UBND Tỉnh về phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 10/4/2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2019 - 2020; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh Phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; Hợp tác xã liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa Hợp tác xã nông nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 24/10/2019 của ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Ninh năm 2020.

Giai đoạn 2016 - 2020 các chính sách như tài chính, tín dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý,... được Liên minh HTX tỉnh phối hợp triển khai thực hiện. Nhiều vấn đề vướng mắc, tồn tại được xem xét giải quyết, tạo được lòng tin của cán bộ thành viên và người lao động trong HTX đối với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, cụ thể:

2.1 Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

(1) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực

UBND tỉnh giao Liên minh HTX, Chi cục phát triển nông thôn thuộc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho khoảng 600 cán bộ quản lý HTX trên địa bàn tỉnh một năm.

* Từ năm 2016 đến năm 2020, Liên minh HTX tỉnh đã phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức được 116 lớp với sự tham gia của gần 6.000 lượt học viên. Và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Nông nghiệp & PTNT tổ chức được 25 lớp với gần 810 học viên tham gia. Nội dung các lớp bồi dưỡng, tập huấn tập trung vào quản trị HTX, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, thực hiện ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện đăng ký lôgô, nhãn mác, tạo lập thương hiệu cho sản phẩm... Đối tượng tham gia bồi dưỡng, tập huấn là cán bộ lãnh đạo quản lý, kế toán, cán bộ làm công việc chuyên môn nghiệp vụ của các HTX.

Kết quả sau bồi dưỡng kiến thức: trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nghiệp vụ của hợp tác xã từng bước được nâng cao; cán bộ hợp tác xã được tiếp thu các kiến thức quản lý mới để ứng dụng vào quản lý và kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã. Qua đó thấy được sự quan tâm của Nhà nước và của tỉnh đối với kinh tế tập thể.

Tuy nhiên các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ HTX còn ngắn, cho đến nay chưa thực hiện việc hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý HTX (chương trình dài hạn) và tỉnh cũng chưa thành lập được Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

* Chính sách thu hút cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc tại các HTX nông nghiệp: Ngày 05/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3738/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách hợp tác xã nông nghiệp thực hiện thí điểm mô hình đưa 07 cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở 06 hợp tác xã nông nghiệp, giai đoạn 2019 - 2020. Tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ trong 24 tháng: 567,36 triệu đồng, ngoài ra các HTX hỗ trợ trả thêm lương cho cán bộ trẻ: 251,76 triệu đồng.

(2) Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Ngày 07/12/2016 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định điều kiện áp dụng Chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020, theo đó: *(1)*. Các DN/Hợp tác xã khi tham gia các Hội chợ triển lãm được áp dụng Khoản 1, Điều 6 Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế Tài chính hỗ trợ thực hiện Chương trình XTTM Quốc gia; *(2)*. Hỗ trợ không quá 10 triệu/người sản xuất/ lần đối với Hội chợ triển lãm trên địa

bàn tỉnh; *(3)*. Hỗ trợ không quá 20 triệu/người sản xuất/lần đối với Hội chợ triển lãm tổ chức tại địa bàn các tỉnh/thành; *(4)*. không quá 40 triệu/người sản xuất/lần/năm đối với Hội chợ triển lãm tổ chức tại nước ngoài. Qua đó từ 2003 đến nay công tác hỗ trợ đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- Hỗ trợ tham gia các chương trình xúc tiến thương mại: Tỉnh quan tâm phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn nhất là phát triển Chương trình OCOP, mặt khác Chương trình nông thôn mới của Chính Phủ đã thúc đẩy mô hình kinh tế hợp tác xã phát triển tại các địa phương. Qua số liệu các năm có thể nhận thấy số lượng hợp tác xã được hỗ trợ nhiều hơn và thành lập tăng lên hàng năm. Trong thời gian qua, đã hỗ trợ cho 240 HTX, tổng kinh phí hỗ trợ là 1,32 tỷ đồng.

- Hỗ trợ tìm kiếm thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm: *(1)* Sở Công Thương đã kết nối đưa sản phẩm vào tiêu thụ tại các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích nhà hàng, khách sạn và 29 Trung tâm, cửa hàng, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; *(2)* Đã kết nối được 14 sản phẩm vào tiêu thụ tại Chi nhánh công ty CP EB Hải Phòng tại Hạ Long và hệ thống Siêu thị Vinmart (như: rượu Ba kích, nước mắm Cái Rồng, trứng gà Tân An, miến dong Bình Liêu, ruốc hàu, ruốc cơ trai...). Từ đó, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương trong việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và mở rộng thị trường trong nước; *(3)* Đa dạng hóa các hình thức kết nối tiêu thụ, phát triển thị trường và quảng bá giới thiệu sản phẩm OCOP Quảng Ninh, sản phẩm đặc trưng của tỉnh thông qua việc hướng dẫn, hỗ trợ các DN/HTX/CSSX ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động phát triển kinh doanh như: Bán hàng qua Sàn TMĐT, quảng bá giới thiệu và Xúc tiến tiêu thụ qua cổng kết nối tiêu thụ của Bộ Công Thương, internet...

- Hỗ trợ công tác quảng bá giới thiệu sản phẩm trên hệ thống Trang tin Sàn giao dịch TMĐT của Tỉnh: Sở Công Thương đã phối hợp với Bưu điện tỉnh Quảng Ninh triển khai hỗ trợ sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia bán hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử với tên miền www.badasa.com (gọi tắt là Sàn), đến nay đã thu hút hơn 1.400 sản phẩm có uy tín trên toàn quốc tham gia với doanh thu 1 năm đạt khoảng 3 tỷ đồng, hiện nay đã có hơn 20 sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh tham gia giao dịch qua sàn.

Nhìn chung, công tác hỗ trợ mở rộng thị trường trong những năm gần đây được tỉnh đặc biệt quan tâm, qua đó nhiều HTX đã tìm thêm được các thị trường tiêu thị sản phẩm, nhiều sản phẩm đã được xuất khẩu ra nước ngoài và có mặt tại các trung tâm thương mại lớn trong nước.

(3) Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 về thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 về quy định quản lý nguồn vốn đầu tư khoa học công nghệ, Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 5/12/2014 về chính sách khuyến khích phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung, giai đoạn 2014-2016.

Trong thời gian vừa qua tỉnh Quảng Ninh tập trung hỗ trợ HTX về đào tạo tập huấn về khoa học công nghệ, hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm, triển khai các ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, phát triển thị

trường khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ. Qua đó đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Hàng năm, 4-5 lớp tập huấn về khoa học công nghệ, 15 lớp về quy định sở hữu trí tuệ, ngoài ra tổ chức các cuộc hội thảo chuyển giao ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ: Công nghệ sấy nông sản nâng cao giá trị sản phẩm; ứng dụng cám sinh học, cám thảo dược trong chăn nuôi;...

- Hỗ trợ triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp tác xã Thủy tinh Tân sơn tiếp nhận công nghệ sản xuất thủy tinh 2 lớp vào năm 2004, Hợp tác xã toàn dân vay 6,5 tỷ đồng để thực hiện dự án trồng và phát triển cây Ba kích trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; triển khai "Mô hình HTX dịch vụ vệ sinh môi trường.

- Hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Đã hỗ trợ Hợp tác xã tham gia Hội chợ công nghệ thiết bị và tham gia các hội thảo giới thiệu công nghệ. Đồng thời đầu mối giới thiệu các nhà khoa học, đơn vị nghiên cứu cho các Hợp tác xã. Qua đó các Hợp tác xã đã tiếp cận và ký hợp đồng hợp tác trong sản xuất nông nghiệp; sản xuất dược liệu (Hợp tác xã Hoa Phong, Đông Triều đã kỹ hợp tác chuyển giao công nghệ bảo quản sản phẩm với Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ bản quản sau thu hoạch; Hợp tác xã dược liệu xanh tinh hoa ký hợp tác với Viện Dược liệu, Bộ Y tế).

- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu thông thường: Từ năm 2003-2019, hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu cho 25 chủ sở hữu nhãn hiệu là các tổ chức HTX, cá nhân là nông dân như: HTX Tuấn Hùng, HTX Yên Kiều, HTX nuôi trồng thủy sản Đức Thịnh - Đầm Hà; HTX nông dược xanh tinh hoa, HTX Toàn Phú, HTX Vạn Chài - Hạ Long; HTX chế biến lâm sản ngoài gỗ Ba Chẽ; HTX Đông Mai, HTX Hoa Phong - Đông triều.

- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu có gắn với địa danh: 08 Hợp tác xã đăng ký sở hữu công nghiệp cho 12 nhãn hiệu sản phẩm có gắn với địa danh trong đó 10 nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ với tổng kinh phí của địa phương là 500 triệu đồng. Các sản phẩm đều tham gia vào chương trình OCOP của tỉnh.

Nhìn chung, quy mô và tổ chức của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn nhỏ, thiếu năng lực quản trị, nguồn nhân lực, việc tiếp cận và hấp thụ các chính sách hỗ trợ nói chung và hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế. Tuy nhiên qua công tác hỗ trợ nhiều HTX trên địa bàn tỉnh đã tiếp cận được các công nghệ tiên tiến áp dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời đã có những sản phẩm có thương hiệu đã xuất khẩu cũng như có mặt trong các trung tâm thương mại lớn trong nước.

(4) Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3121/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 về việc quy định trình tự, thủ tục cho vay từ nguồn vốn tín dụng hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội là cơ quan chủ trì cho vay vốn ưu đãi phục vụ sản xuất kinh doanh. Liên minh HTX tỉnh Quảng Ninh là đơn vị được giao tư vấn, hướng dẫn các HTX, Liên hiệp HTX xây dựng dự án vay vốn, xem xét, lựa chọn HTX, Liên hiệp HTX thành viên có đủ điều kiện vay vốn giới thiệu cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay,

đồng thời có chức năng thẩm định, kiểm tra việc sử dụng vốn cũng như đôn đốc thu hồi vốn đến hạn.

Đến 31/12/2020, dư nợ HTX có tăng trưởng so với 31/12/2012 (năm ban hành Luật HTX 2012), song còn rất hạn chế so với các thành phần kinh tế khác: Chỉ có 67 HTX có dư nợ vay vốn các TCTD, tăng 76,3% so với thời điểm ban hành Luật HTX 2012, số lượng hợp tác xã vay vốn tín dụng còn rất thấp chỉ khoảng 10-15% số HTX trên địa bàn có vay vốn các TCTD. Mặc dù dư nợ tín dụng của HTX là rất nhỏ so với các thành phần kinh tế khác (chiếm 0,06%), tuy nhiên đây là nguồn lực chính để các HTX có thể đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó cũng thấy sự tăng trưởng và lớn mạnh của các HTX qua từng giai đoạn, các HTX đã đầu tư vào những dự án có tính chất đột phá trong các lĩnh vực như xây dựng, vận tải, thương mại dịch vụ và đặc biệt là nông nghiệp, nông thôn, phát huy đã phát huy vai trò trong chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP) của tỉnh Quảng Ninh.

(5) Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội (các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện an sinh xã hội; hỗ trợ kinh tế hộ và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương)

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm", tỉnh Quảng Ninh luôn tạo mọi điều kiện để các HTX tham gia chương trình, đặc biệt tỉnh xây dựng các chính sách đặc thù để hỗ trợ phát triển hợp tác xã: thành lập mới, đất đai, tín dụng, thiết bị sản xuất, xúc tiến thương mại, đào tạo, bồi dưỡng...

Từ năm 2014-2018, các đơn vị HTX đã được hỗ trợ về kỹ thuật phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ, đưa các giống lúa, rau màu có năng suất cao chất lượng tốt vào sản xuất; có 02 HTX được phê duyệt hỗ trợ mua con giống phục vụ dự án PTSX với kinh phí ngân sách phê duyệt hỗ trợ là 161,5 triệu đồng, 01 HTX được hỗ trợ cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm là 10 triệu đồng; có 10 HTX được hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, tem truy xuất nguồn gốc, in bao bì cho một số sản phẩm với kinh phí 1.429,3 triệu đồng; có 10 HTX được hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, thiết bị, công nghệ mới cho 10 HTX với tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ 5.032,7 triệu đồng[9].

Các HTX đã góp phần tích cực vào việc thực hiện quy hoạch vùng trọng điểm lúa năng suất cao, vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, vùng rau màu và rau an toàn. Đẩy mạnh việc kiên cố hoá kênh mương phục vụ sản xuất và đóng góp đáng kể vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn: đường, điện, trường học, trạm xá....

[9] Các dự án tiêu biểu như: hỗ trợ dây truyền sản xuất lá tắm người dao cho HTX Quế Sơn và mua máy móc dây truyền sản xuất cho HTX Nông dược xanh tinh hoa; dự án dây truyền sản xuất mật ong cho HTX mật ong Thống Nhất (Hoành Bồ); dự án ứng dụng sản xuất nông nghiệp tốt cho HTX SXKD DVNN chất lượng cao Hoa Phong, dự án hỗ trợ lắp đặt dây truyền sản xuất nước giải khát Ba Kích cho HTX Dược liệu xanh Đông Triều (Đông Triều); dự án hỗ trợ dây truyền tỏi đen cho HTX SXKD TMDV nông lâm ngư nghiệp Thái An (Móng Cái); dự án hỗ trợ máy làm đất, máy cấy, máy gặt đập liên hợp HTX SXKD DVNN Yên Đức (Đông Triều) với sản phẩm lúa nếp cái hoa vàng.

(6) Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX

Năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014, trong đó có chính sách hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã. Với các nội dung hỗ trợ mỗi HTX thành lập mới được hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/1 HTX. Qua đó từ năm 2015 đến năm 2020, các địa phương đã hỗ trợ cho 64 HTX thành lập mới, với kinh phí hỗ trợ là 1.600 triệu đồng.

Từ việc hỗ trợ trên cho thấy chính sách đã góp phần giải quyết khó khăn ban đầu khi giúp HTX thành lập về tìm hiểu thông tin, tư vấn tuyên truyền chính sách, pháp luật, mua sắm trang thiết bị văn phòng ban đầu phục vụ cho hoạt động của HTX.

2.2.Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp

(1) Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án, hợp tác xã đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án và giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn cụ thể điều kiện, tiêu chí thụ hưởng. Đến ngày 10/6/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp. Tuy nhiên, lại chưa có hướng dẫn chi tiết về quy trình, thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ và việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ. Ngày 01/3/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 1759/BNN-KTHT hướng dẫn việc sử dụng nguồn vốn Chương trình nông thôn mới để hỗ trợ hợp tác xã.

Mặc dù vậy với nhận thức tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Quảng Ninh đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp; trong đó, tập trung chỉ đạo các ngành rà soát cơ chế, chính sách hiện có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; sửa đổi, bổ sung, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp như: chính sách thu hút, hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng... Qua đó kết cấu hạ tầng để xây dựng nông thôn được đẩy mạnh, đã thực sự phát huy tác dụng, bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống nhân dân được nâng lên, các HTX được hưởng lợi từ chính sách đã ổn định sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng hoạt động, số xã viên tăng cùng với thu nhập tăng lên góp phần không nhỏ trong công tác xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa.

Tuy nhiên còn nhiều HTX vẫn chưa có trụ sở. Các sở, ngành cần đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh sớm quy hoạch đất, giành quỹ đất để cấp cho HTX xây dựng trụ sở, văn phòng, đồng thời đề nghị các HTX gửi đơn, hồ sơ đến UBND huyện, thị xã, thành phố để tập hợp, báo cáo UBND tỉnh, giao các sở ngành có chức năng giải quyết theo quy định.

(2) Chính sách tiếp cận nguồn vốn phát triển HTX.

Ngày 24/4/2012, UBND Tỉnh đã ban hành Quyết định số 3121/QĐ-UBND về việc quy định trình tự, thủ tục cho vay từ nguồn vốn tín dụng hỗ trợ phát triển

HTX trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, do đó Tỉnh đã bố trí 20 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh giao Ngân hàng CSXH tỉnh cho các THT, HTX vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất kinh doanh; Sở Nông nghiệp và PTNT và Liên minh HTX Tỉnh chỉ là đơn vị tư vấn, hướng dẫn các THT, HTX xây dựng dự án, xem xét, lựa chọn các THT, HTX thành viên có đủ các điều kiện vay vốn, giới thiệu cho Ngân hàng CSXH nơi cho vay. Phối hợp Liên minh HTX Tỉnh, Ngân hàng CSXH trong thẩm định, kiểm tra việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu hồi các món vay. Từ năm 2016 đến nay, thực hiện hỗ trợ cho 74 lượt HTX tiếp cận nguồn vốn trên với số vốn khoảng 37,15 tỷ đồng.

(3) Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chương trình "Mỗi xã phường một sản phẩm", tỉnh Quảng Ninh luôn tạo mọi điều kiện để các HTX tham gia chương trình, đặc biệt tỉnh xây dựng các chính sách đặc thù để hỗ trợ phát triển hợp tác xã: thành lập mới, đất đai, tín dụng, thiết bị sản xuất, xúc tiến thương mại, đào tạo, bồi dưỡng... Từ năm 2016 đến nay, các đơn vị HTX đã được hỗ trợ về kỹ thuật phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ, đưa các giống lúa, rau màu có năng suất cao chất lượng tốt vào sản xuất; có 02 HTX được phê duyệt hỗ trợ mua con giống phục vụ dự án PTSX với kinh phí ngân sách phê duyệt hỗ trợ là 161,5 triệu đồng, 01 HTX được hỗ trợ cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm là 10 triệu đồng; có 10 HTX được hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, tem truy xuất nguồn gốc, in bao bì cho một số sản phẩm với kinh phí 1.429,3 triệu đồng; có 15 HTX được hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, thiết bị, công nghệ mới với tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ 8.778,3 triệu đồng[10].

3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

- Công tác thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX: Tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể cấp tỉnh[1]. Trưởng ban chỉ đạo cấp tỉnh là đồng chí Phó Chủ tịch thường trực UBND Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

- Việc bố trí sắp xếp cán bộ theo dõi KTTT, HTX ở các cấp: Căn cứ Thông tư liên tịch 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của liên bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 439/2017/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ,

[10] Các dự án tiêu biểu như: hỗ trợ dây truyền sản xuất lá tấm người dao cho HTX Quế Sơn và mua máy móc dây truyền sản xuất cho HTX Nông dược xanh tinh hoa, Dự án dây truyền sản xuất mật ong cho HTX mật ong Thống Nhất (Hoành Bồ); Dự án ứng dụng sản xuất nông nghiệp tốt cho HTX SXKD DVNN chất lượng cao Hoa Phong, Dự án hỗ trợ lắp đặt dây truyền sản xuất nước giải khát Ba Kích cho HTX Dược liệu xanh Đông Triều (Đông Triều); Hỗ trợ dây truyền tỏi đen cho HTX SXKD TMDV nông lâm ngư nghiệp Thái An (Móng Cái), hỗ trợ máy tinh lọc thủy phần mật ong cho HTX Hợp Tiến (Bình Liêu), hỗ trợ máy chế biến miến dong cho HTX Gia Hưng, HTX TM và DV Khe Vằn (Bình Liêu).

[1] Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thay đổi Trưởng Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh.

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cùng với đó UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cũng ban hành các quyết định về quy định về chức năng nhiệm vụ phòng tài chính kế hoạch[11]. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và mỗi phòng Tài chính kế hoạch của 14 địa phương mới bố trí được 01 cán bộ làm công tác phát triển kinh tế tập thể, nhưng vẫn đang kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ khác. Đội ngũ cán bộ mỏng, phần lớn chưa qua đào tạo bồi dưỡng về phát triển kinh tế tập thể, dẫn đến công tác quản lý còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được hết các yêu cầu đặt ra trong tình hình hiện nay.

Về công tác tổ chức quản lý, cho đến nay hệ thống tổ chức về quản lý chỉ đạo HTX trên phạm vi từ tỉnh đến địa phương hiện còn chồng chéo và chưa cụ thể, rõ ràng, các huyện, thị xã, thành phố có cán bộ theo dõi về kinh tế tập thể là kiêm nhiệm, do vậy rất khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của việc tham mưu, quản lý đối với lĩnh vực này.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật đối với KTTT, HTX: Nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hàng năm các cơ quan chuyên môn phối hợp cùng Liên minh HTX tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (phòng, ban chuyên môn) thực hiện kiểm tra, hướng dẫn chuyên ngành về việc chấp hành các chế độ chính sách của nhà nước trong quản lý, điều hành các hoạt động của HTX. Tính từ năm 2011 đến năm 2020 đã tiến hành kiểm tra, hướng dẫn việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước trong quản lý, điều hành các hoạt động của HTX đối với trên 165 HTX trên địa bàn. Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, nhắc nhở khắc phục những hạn chế, tồn tại của các HTX.

- Công tác thực hiện chế độ báo cáo về hợp tác xã theo quy định: Thực hiện Điều 24, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, định kỳ vào tuần thứ nhất của quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ bản đã báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của quý trước trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-12 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tuy nhiên do việc báo cáo của các địa phương với Sở kế hoạch và Đầu tư chưa đảm bảo, do đó việc báo cáo đôi khi còn chậm. Các địa phương trong tỉnh cơ bản thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số địa phương chưa thực sự quan tâm sâu sát nên việc báo cáo phải đôn đốc và gửi về muộn hơn so với quy định.

Mặc dù đã có quy định rõ ràng, tuy nhiên việc báo cáo của các HTX chưa được thực hiện đầy đủ hàng năm với các cơ quan quản lý nhà nước. Ngay cả khi có văn bản yêu cầu báo cáo cũng rất ít HTX gửi báo cáo về, các báo cáo gửi về của các HTX mới chỉ mang tính chất thực hiện theo yêu cầu, chưa đi vào đúng nội dung hoặc báo cáo còn thiếu nhiều nội dung. Các HTX nông nghiệp là hạn chế hơn cả, có nhiều HTX ngừng sản xuất kinh doanh hoặc đã tiến hành giải thể song không có báo cáo cho đơn vị quản lý được biết dẫn tới số liệu tổng hợp không chính xác.

[11] Sở Kế hoạch và Đầu tư có 56 CBCC, 14 phòng Tài chính Kế hoạch có trên 100 CBCC.

4. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể và Liên minh HTX Việt Nam đối với phát triển KTTT, HTX

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp phụ nữ trong thời gian qua đã phối hợp khá tốt với các sở, ngành, chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế tập thể, vận động Nhân dân tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, tham gia xây dựng nông thôn mới.

Liên minh HTX với các chức năng đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các HTX, các thành viên đã tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh trong xây dựng các chủ trương, chính sách, pháp luật về HTX, tuyên truyền, vận động phát triển HTX, hỗ trợ phát triển HTX và đại diện cho khu vực HTX trong các quan hệ đối nội và đối ngoại. Liên minh HTX Tỉnh đã chứng minh có vị trí và vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của khu vực HTX của tỉnh, từng bước hoàn thiện tổ chức, hoạt động theo hướng gắn kết chặt chẽ với các HTX và các thành viên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển HTX, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các HTX và tập trung vào công tác hỗ trợ trong các lĩnh vực đào tạo, vốn, thông tin kinh tế, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, tư vấn pháp lý, kế toán, kiểm toán, khoa học, công nghệ.

Tuy vậy, hoạt động của Liên minh cũng còn nhiều bất cập, HTX, công tác hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ chưa đáp ứng được đòi hỏi bức xúc hiện nay của các HTX, nhất là hỗ trợ về vốn, thông tin thị trường, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, các hoạt động tư vấn về pháp lý, kế toán kiểm toán, khoa học công nghệ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

- Về phát triển kinh tế: Mặc dù tỷ trọng kinh tế HTX còn thấp (đóng góp của kinh tế tập thể vào GRDP địa phương là 1,2%) và không còn giữ vai trò trực tiếp tổ chức và điều hành sản xuất tập trung và chuyển sang chức năng làm dịch vụ là chính, nhưng kinh tế tập thể tiếp tục có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Ninh, tạo được công ăn việc làm, cải thiện, nâng cao đời sống cho nhiều lao động, nhất là lao động tại khu vực nông thôn; góp phần xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Tỷ trọng vốn đầu tư trong năm 2019 và những tháng đầu năm 2020 chỉ đạt 0,012% trong tổng nguồn vốn, tuy nhiên các HTX đang có su hướng phát triển theo mô hình gắn với chuỗi giá trị và đưa hàm lượng kho học vào sản phẩm. Đây được xem là bước đi thích hợp để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh khi hội nhập quốc tế sâu và toàn diện. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế tập thể vẫn phát triển với quy mô nhỏ, đa phần sản xuất theo kiểu truyền thống thì sự liên kết lại càng cần thiết, nhất là liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa. Tỉnh Quảng Ninh đã có một số HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hoá. Trong những năm qua[12];

---

[12] HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong (TX. Đông Triều) chế biến sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao an toàn với trung tâm sơ chế và chế biến bảo quản nông sản chất lượng cao tại xã Hồng Phong với diện tích 5000 m^2, xây dựng thương hiệu OCOP cho các sản phẩm của HTX; HTX SXKD, DVNN Bình Dương (TX. Đông Triều) tham gia chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ các sản phẩm, hàng hóa quy mô lớn đối với cây vụ đông, đặc biệt là khoai tây Atlantic với Công ty Orion Hàn Quốc, hiện nay diện tích trồng cây khoai tây Atlantic là 56,2 ha; HTX nông dược xanh tỉnh hoa (H. Hoành Bồ) trồng sơ chế biến dược liệu, cất chiết tinh dầu, sản xuất đóng gói khép kín Với diện tích 25ha; HTX Sản xuất và Dịch vụ công nghiệp Phú Hải (TX Đông Triều) sản phẩm cây

- Về chính trị, văn hóa, xã hội: Khu vực KTTT có sự chuyển biến tích cực, các loại hình KTTT phát triển đa dạng trên các lĩnh vực, ngành, nghề; đáp ứng nhu cầu, lợi ích đa dạng của thành viên và người lao động; mô hình HTX mới, điển hình tiên tiến hàng năm tăng; vai trò, vị trí của KTTT được nâng lên góp phần cùng với chính quyền địa phương thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, đảm bảo an ninh - trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nông thôn mới và ổn định chính trị ở cơ sở;

Các HTX chuyển đổi và thành lập mới nhìn chung đã tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Luật HTX; vốn, quỹ của HTX không ngừng tăng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ của thành viên. HTX đã phát huy quyền tự chủ, tự quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ kết quả sản xuất, kinh doanh; thành viên xác định được trách nhiệm trong xây dựng và phát triển HTX. Bộ máy quản lý gọn nhẹ, công tác quản lý được đổi mới. Đa số HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, có lãi; chú trọng phát triển và huy động nguồn vốn góp của thành viên, hoạt động liên kết hợp tác giữa HTX, tổ hợp tác (THT) được mở rộng;

Quá trình đổi mới, phát triển KTTT đã có những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh, nhất là tăng xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc ở khu vực nông thôn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Về THT: Các văn bản hướng dẫn, hỗ trợ cho THT còn chưa đồng bộ, chính sách chưa đi vào thực tiễn; Công tác quản lý nhà nước có địa phương trong tỉnh chưa được chú trọng; nhiều mô hình tổ hợp tác hoạt động hiệu quả nhưng chậm rút kinh nghiệm, nhân rộng; sự hỗ trợ của các địa phương để phát triển THT chưa thực sự được quan tâm; THT hoạt động thiếu tính bền vững;

- Về HTX: Mặc dù đã thực hiện chuyển đổi nhưng nhiều HTX vẫn quen lối hoạt động cũ, vẫn "bình mới rượu cũ", bởi lối sống, lối sinh hoạt của người dân khó thay đổi;

Tăng trưởng của khu vực HTX chưa ổn định, còn thấp. Hiệu quả hoạt động kinh tế của các HTX chưa cao. Quy mô sản xuất của các HTX nhỏ, chưa khẳng định được về số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ trên thị trường. Những khó khăn nội tại của HTX còn chậm được khắc phục, đặc biệt khó khăn về vốn, cơ sở vật chất, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý, nguồn nhân lực. Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý các HTX còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Đa số cán bộ chủ chốt HTX chỉ được đào tạo qua các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày. Tình trạng nhiều thành viên trong Ban Quản trị HTX vừa được đạo tạo lại chuyên sang làm công tác đảng, chính quyền để có chế độ ổn định hơn diễn ra khá phổ biến;

Nhiều HTX mới thành lập chỉ là danh nghĩa, còn thực tế hoạt động là kinh tế tư nhân nên ít có tác dụng thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Nhiều HTX thiếu

---

hương xuất khẩu Trung bình 1 năm, HTX xuất khẩu được gần 1.000 tấn hương, doanh thu hơn 10 tỷ đồng;... Đây là những chuỗi giá trị liên kết từ nông dân đến doanh nghiệp thông qua kết nối của các HTX và tổ hợp tác theo phương thức doanh nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp giống, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh và bao tiêu đầu ra sản phẩm. Các sản phẩm rau an toàn hiện đã có mặt tại các trung tâm thương mại lớn Như Vinmart, BigC, Megamart (trước là Metro)...

năng động sáng tạo, chưa đảm bảo tính chất và nguyên tắc theo quy định của Luật HTX, chưa thực hiện chế độ kế toán và thông tin báo cáo theo quy định hiện hành;

Các địa phương cũng đã quan tâm, nhưng sự quan tâm còn hời hợt, chưa mặn mà, đặc biệt các cán bộ quản lý HTX của UBND các huyện, thị xã, thành phô còn thiếu tính phối hợp trong việc cung cấp số liệu, báo cáo nên việc tổng hợp các số liệu thông tin của Sở Nông nghiệp và PTNT gặp nhiều khó khăn;

Nhiều hợp tác xã còn dè dặt chưa mạnh dạn đầu tư phát triển, chưa tìm được đầu ra tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu là tự tiêu tự sản xuất; Hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó với nhau, chưa có sự liên kết hệ thống cả về kinh tế, xã hội và tổ chức. Trên địa bàn tỉnh chưa hình thành được Liên hiệp HTX để hỗ trợ thúc đẩy các HTX thành viên hoạt động hiệu quả. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các HTX với doanh nghiệp, tổ chức khác theo hướng xây dựng những mối quan hệ kinh doanh ổn định, bền vững còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách

- Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX đến từng HTX còn ít. Nhiều HTX chưa có trụ sở làm việc, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ở một số địa phương cán bộ HTX nông nghiệp thường biến động qua các kỳ Đại hội, mức thu nhập của cán bộ ban quản trị còn quá thấp nên chưa khuyến khích, động viên được sự nhiệt tình gắn bó với HTX;

- Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX nông nghiệp ban hành chậm, khó áp dụng vào thực tiễn. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện các chính sách đối với HTX hạn chế.

3.2. Về tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách

- Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân về vị trí, vai trò của kinh tế hợp tác chưa đầy đủ. Công tác tuyên truyền về Luật HTX được quan tâm thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở đối với HTX ở một số nơi chưa được quan tâm, thiếu sâu sát. Cán bộ quản lý nhà nước ở cơ sở làm việc kiêm nhiệm nên chưa thể hiện hết trách nhiệm trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện.

- Việc tuyên truyền học tập cũng còn nhiều hạn chế, nhận thức về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, phát triển hợp tác xã ở không ít cấp ủy đảng, địa phương chưa có chuyển biến đáng kể. Thậm chí, trong báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng, mục tiêu của không ít tổ chức đảng, vấn đề phát triển kinh tế tập thể, phát triển hợp tác xã được đề cập rất sơ sài, có nơi không đề cập. Hầu hết các hợp tác xã gặp khó khăn trong việc chuyển tải các nội dung của Luật đến từng xã viên, thiếu kinh phí để in ấn văn bản luật gửi đến từng người. Do vậy khi hợp tác xã chuyển đổi xong vẫn còn khá nhiều xã viên chưa nắm bắt đầy đủ các nội dung của luật và các nguyên tắc của hợp tác xã mới theo luật, chưa phân định được sự khác nhau giữa mô hình hợp tác xã cũ với hợp tác xã mới dẫn đến việc tham gia hợp tác xã mới hoặc hợp tác xã chuyển đổi của một số bộ phận xã viên còn mang tính hình thức, theo phong trào.

- Hoạt động của Liên minh về HTX còn hạn chế, công tác hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ chưa đáp ứng được đòi hỏi bức xúc hiện nay của các HTX, nhất là hỗ trợ

về vốn, thông tin thị trường, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, các hoạt động tư vấn về pháp lý, kế toán kiểm toán, khoa học công nghệ. Liên minh HTX chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với các HTX và thành viên.

3.3. Về bản thân HTX

- Trình độ cán bộ quản lý của HTX còn yếu, phần lớn cán bộ tuổi cao, làm việc theo kinh nghiệm. Do đó các HTX đều lúng túng trong khâu tiếp cận các kiến thức khoa học kỹ thuật, kiến thức về kinh doanh, thị trường...

- Một số HTX thành lập theo phong trào nên gặp lúng túng trong hoạt động và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, hoạt động mang tính hình thức.

- Lĩnh vực nông nghiệp tạo ra khả năng sinh lời thấp, rủi ro cao nên các HTX rất ngại trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

- Hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó với nhau, chưa có sự kết nối hệ thống cả về kinh tế, xã hội và tổ chức. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các HTX với nhau còn ít, nội dung hạn chế.

- Tình trạng thiếu vốn lưu động để hoạt động dịch vụ của các HTX do các khoản nợ phải thu của xã viên nhiều năm qua chưa được xử lý. Công nợ tồn đọng quá nhiều chưa xử lý được, các xã viên không có cổ phần góp vốn trên thực tế, HTX không có tài sản để thế chấp vay vốn tín dụng nên rất khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

3.4. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX

- Quản lý nhà nước của các cấp đối với kinh tế tập thể chưa đáp ứng so với yêu cầu, chưa quan tâm đến tháo gỡ các khó khăn và tạo điều kiện cho các tổ hợp tác, HTX hoạt động. Công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tuy đã triển khai nhưng chưa gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh nói chung, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các huyện thị xã thành phố nói riêng, do vậy chưa được bố trí nguồn lực thực hiện. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Luật HTX, chỉ đạo thực hiện các chính sách đối với HTX, cũng như trách nhiệm tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tuyên truyền nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu chưa được địa phương chú trọng thực hiện.

- Cán bộ quản lý nhà nước từ tỉnh tới huyện lĩnh vực kinh tế tập thể còn thiếu, bộ máy chưa được kiện toàn, trừ Sở Nghiệp và Phát triển nông thôn là có các phòng theo dõi HTX, còn lại tất cả các sở khác đều không có phòng hoặc cán bộ theo dõi về HTX nên không thể đáp ứng vai trò nhiệm vụ quản lý theo dõi HTX trong giai đoạn hiện nay.

- Bộ máy quản lý HTX chưa được kiện toàn, đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp đối với HTX từ tỉnh đến huyện còn thiếu và yếu, tâm lý cán bộ xã viên không muốn làm cán bộ HTX mà muốn làm cán bộ bên Uỷ ban nhân dân xã hoặc cán bộ đoàn thể… Trình độ năng lực quản lý kinh tế của Ban quản trị HTX còn yếu.

- Cán bộ quản lý HTX chưa được đào tạo hết và đào tạo lại.. Nhiều HTX cán bộ vừa được đi tập huấn, đào tạo về lại chuyển sang làm cán bộ quản lý Nhà nước ở cấp xã, phường, hoặc đoàn thể. Cán bộ lãnh đạo HTX nông nghiệp hiện nay vừa thiếu lại vừa yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ; cán bộ khoa học kỹ thuật ở HTX quá thiếu, đa số HTX chỉ có cán bộ trồng trọt còn cán bộ thú y, cán bộ quản lý kinh tế hầu như không có.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là: Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Thực tế cho thấy ở những nơi nào có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thì nơi đó phong trào kinh tế hợp tác, HTX được củng cố và phát triển mạnh.

Hai là: Uỷ ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm đến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hàng năm và rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách phát triển kinh tế tập thể thuộc trách nhiệm của mình. Việc triển khai học tập Luật HTX và các Nghị định hướng dẫn Luật đã được thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, đến các HTX chuyển đổi và chưa chuyển đổi. Sau khi học tập nhận thức của cán bộ, xã viên về HTX kiểu mới đã được nâng lên một bước.

Ba là: Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách như về kinh tế tập thể, vận dụng tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước như: hỗ trợ về đất đai, hạ tầng, tín dụng ưu đãi, đào tạo tập huấn, tạo điều kiện cho các HTX tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động xúc tiến thương mại, hội thảo, hội chợ triển lãm, tuyên truyền quảng bá sản phẩm, hỗ trợ cho các HTX ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài cơ chế chính sách của Trung ương, địa phương cần quan tâm, vào cuộc bằng cụ thể hoá các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Năng lực quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể cần được kiện toàn và bố trí thêm cán bộ chuyên trách có chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể ở các các cấp tỉnh, huyện, xã.

Bốn là: Cán bộ quản lý nhà nước cần được bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật thường xuyên các kiến thức, kinh nghiệm quản lý HTX trong và ngoài nước, đảm bảo có trình độ năng lực, có khả năng tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác định hướng, phát triển KTTT, HTX kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Công tác kiểm tra, giám sát thi hành luật phải được thực hiện định kỳ, chấn chỉnh kịp thời những trường hợp sai phạm cũng như hoạt động yếu kém, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của quản lý nhà nước nói riêng và hoạt động của khu vực HTX nói chung.

Năm là: Liên minh HTX phát huy vai trò của cơ quan đầu mối, có kế hoạch phát triển thành viên, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn; tranh thủ sự quan tâm của các cấp, các ngành hỗ trợ vốn, xúc tiến thương mại, đào tạo nghề cho xã viên HTX;... tạo nguồn lực vững chắc cho kinh tế hợp tác phát triển. Qua đó nâng cao công tác hỗ trợ, tư vấn hội viên, vận động phát triển HTX, hỗ trợ thành viên, tham gia xây dựng và phối hợp hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế HTX.

Sáu là: Đối với các HTX cần đảm bảo hài hòa lợi ích của các thành viên, phát huy tiềm năng, nội lực, nhất là vai trò người đứng đầu HTX. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ của HTX với các phương thức đào tạo khác nhau để nâng cao năng lực cán bộ HTX, từng bước nâng cao chất lượng của bộ máy điều hành của HTX, đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới.

Phần thứ hai
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

1. Tình hình quốc tế

Nền kinh tế thế giới hiện nay đang trải qua những chuyển biến tích cực đan xen với những rủi ro tiềm ẩn. Toàn cầu hóa tiếp tục gia tăng nhưng vẫn đứng trước nguy cơ bảo hộ và tỷ lệ lạm phát, hệ thống tài chính – tiền tệ ổn định nhưng ẩn chứa nguy cơ bất ổn. Kinh tế khu vực châu Á – Thái Bình Dương đang phát triển năng động nhưng sự tham gia, vừa hợp tác vừa cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn (đặc biệt khu vực EU, Trung Quốc, Mỹ) làm cho tình hình khu vực diễm biến phức tạp, rất khó đoán định. Kinh tế thế giới và khu vực trong thời gian tới sẽ được định hình bởi các vấn đề như tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc; những điều chỉnh quan trọng của quá trình toàn cầu hóa; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, già hóa dân số, đô thị hóa, dịch bệnh và biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh chóng và khắc nghiệt hơn. Thương mại toàn cầu tiếp tục suy giảm, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, tình trạng thất nghiệp tăng cao. Theo các tổ chức quốc tế và thể chế tài chính, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào suy thoái do tình hình dịch bệnh Covid ngày càng phức tạp; Cùng với đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng chính trị gia tăng giữa Mỹ - Iran, bất đồng nội bộ trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và trên bán đảo Triều Tiên đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam.

2. Tình hình đất nước

Kinh tế - xã hội nước ta 10 tháng đầu năm 2020 diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra sớm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn... Trước tình hình dịch bệnh kéo dài và còn diễn biến phức tạp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp với phương châm vừa phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới đất nước, đạt tốc độ tăng trưởng cao so với thế giới, tiếp tục hội nhập sâu rộng thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do có quy mô lớn như: CPTPP, EVFTA hay AEC. Đồng thời, Nhà nước thúc đẩy nhiều đổi mới sáng tạo, khuyến khích đầu tư, tập trung ưu tiên cho phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, Trung ương tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật, thực hiện phát triển kinh tế thị trường gắn với định hướng XHCN, xây dựng nhiều cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư mang tính động lực hơn, là những điều kiện quan tâm để phát triển thành phần kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thời gian tới.

Phát triển kinh tế tập thể (KTTT) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được xác định nhất quán và xuyên suốt tại các nghị quyết Đại hội Đảng. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy, mặc dù đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả bước đầu đáng khích lệ, nhưng sự phát triển của khu vực KTTT, hợp tác xã (HTX) vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

- HTX là thể chế không thể thiếu được để phát triển đất nước hài hoà về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, là tất yếu đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân, cá thể, đáp ứng các nhu cầu phong phú của đời sống cộng đồng theo các nguyên tắc HTX.

- HTX thực sự là một tổ chức tự nguyện của thành viên, dựa trên nền tảng thành viên, kinh tế thành viên, một mặt khuyến khích hợp tác giữa thành viên theo tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cùng phát triển, mặt khác tôn trọng cá nhân thành viên, phát huy cao vai trò cá nhân của thành viên, kinh tế thành viên HTX.

-Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển HTX thông qua tạo khung khổ pháp luật, ban hành chính sách hỗ trợ HTX, đảm bảo HTX thực hiện được tốt các mục tiêu kinh tế, chính trị và xã hội quan trọng của mình. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước không mang tính bao cấp, mà chỉ mang tính tạo đà cho HTX tự phát triển. Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của HTX.

3. Cơ hội và thách thức đối với khu vực KTTT, HTX

3.1. Cơ hội.

Bước sang thời kỳ đổi mới, KTTT, HTX mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn luôn nỗ lực, tự đổi mới vươn lên và ngày càng thể hiện đúng vai trò, bản chất HTX, đặc biệt là từ khi có Luật HTX năm 2012 đã thể hiện được tư duy mô hình HTX kiểu mới, hạt nhân là hợp tác, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chính phủ đã ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ cũng như sự ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực này là rất quan trọng. Các chính sách hỗ trợ đối với HTX như đào tạo đội ngũ cán bộ làm việc trong khu vực KTTT, hỗ trợ về ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật mới, hỗ trợ về thành lập mới ... tạo điều kiện để thực hiện các chỉ tiêu, chương trình phát triển.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã ký kết và chính thức có hiệu lực thực thi từ năm 2020 đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp và hợp tác xã mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu sang EU, thu hút đầu tư với công nghệ tiên tiến, hiện đại từ các nước EU. Tham gia EVFTA các doanh nghiệp được hưởng lợi về ưu đãi thuế quan cũng như môi trường đầu tư, trong đó các ngành hàng dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày dép và hàng nông sản…xu thế liên kết giữa các HTX với nhau và giữa HTX với doanh nghiệp sẽ ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu.

Nhận thức về KTTT và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên. Nhiều nơi đã chú trọng và có biện pháp đẩy mạnh phát triển HTX, tạo điều kiện cho KTTT mà nòng cốt là HTX phát triển; nền kinh tế của tỉnh có tốc độ tăng trưởng khá quan trong nhiều năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng khả năng cạnh tranh và phát huy lợi thế so sánh của từng ngành, tỷ

trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ tiếp tục tăng. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng hiệu quả kinh tế, chú trọng cả trồng trọt và chăn nuôi; cơ cấu trong nội bộ từng ngành từng bước chuyển dịch gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu là lợi thế cho việc phát triển KTTT. Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế hợp tác được tổ chức thường xuyên, nội dung và hình thức tuyên truyền được đổi mới.

3.2. Thách thức.

Bên cạnh cơ hội, khu vực KTTT, HTX sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức: Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, kinh tế hộ nhỏ lẻ, manh mún, sản xuất hàng hóa phi tiêu chuẩn sẽ không còn chỗ đứng, không có khả năng cạnh tranh và không thể tồn tại, vì vậy, hợp tác là con đường tất yếu để cùng phát triển. Tuy nhiên, sự nhất quán, đồn kết trong hợp tác sản xuất KTTT ở địa phương hiện nay còn mang nhiều tính cá nhân, năng lực cạnh tranh thị trường của KTTT còn hạn chế, nguồn nhân lực trong KTTT hiện nay còn yếu kém và năng lực quản lý, lãnh đạo, năng lực làm việc, sự bảo hộ của các chính sách, thể chế cho KTTT chưa cao, do vậy sự phát triển của KTTT dễ bị ảnh hưởng của tác động bên ngoài. Nền KTTT ở địa phương không đủ năng lực thích ứng kịp thời với tình hình mới và dễ tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạch định chiến lược, quy mô phát triển sản xuất của KTTT.

4. Dự báo xu hướng phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021-2025, dự kiến xu hướng phát triển KTTT, HTX của tỉnh sẽ ngày càng phát triển, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

Một là, tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân và hệ thống chính trị về bản chất, cơ chế hoạt động của HTX kiểu mới, vai trò và lợi ích của KTTT, HTX trong phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, góp phần phát triển đất nước; Tập trung truyên truyền, vận động, khuyến khích tầng lớp thanh niên tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ, tham gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo mô hình HTX.

Hai là, rà soát, bổ sung, hoàn thiện khu pháp luật và chính sách hỗ trợ phát triển KTTT nhằm tạo môi trường thuận lợi cho HTX phát triển. Trong đó, rà soát và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX theo các chương trình, đề án đã được phê duyệt; Xây dựng Chiến lược phát triển KTTT, HTX đến năm 2030 để có định hướng, chính sách tổng thể, lâu dài cho HTX; xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở rà soát các nội dung Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo hỗ trợ tập trung, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi cao. Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn đối với kiểm toán HTX phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành; Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương và địa phương nhằm kịp thời hỗ trợ vốn cho HTX đầu tư phát triển, nhất là các HTX sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất công nghệ cao.

Ba là, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX, xây dựng cơ chế hợp tác, liên kết, huy động sự tham

gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội các cấp.Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động KTTT, HTX để nắm bắt sát tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và dự báo xu hướng phát triển KTTT, HTX; Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tiêu biểu, hoạt động hiệu quả trên cả nước; Tăng cường công tác liên doanh, liên kết trong tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX; Theo dõi, xuyên suốt quá trình hoạt động và thông qua các phong trào thi đua để phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng những mô hình mới, cách làm hiệu quả; Thực hiện tốt công tác đánh giá, khen thưởng nhằm khích lệ các HTX.

Bốn là, kiện toàn tổ chức thống nhất, đồng bộ và xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp, điều hành giữa Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX ở Trung ương và địa phương, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX. Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT thống nhất từ Trung ương đến địa phươngtheo hướng ngành Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước chung về KTTT; các bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012.

Năm là, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; Thực hiện tái cơ cấu, giải thể dứt điểm các HTX yếu kém, đã ngừng hoạt động để tạo dư địa cho thành lập HTX mới; Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút cán bộ về công tác tại các HTX; Thực hiện hiệu quả chính sách đưa cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX; Tăng cường năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng công khai, minh bạch; củng cố bộ máy kế toán, kiểm toán. Phát triển tổ hợp tác để tổ chức sản xuất theo mô hình kinh tế hợp tác, chuyển dần thành HTX; phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương, trên cơ sở liên kết hộ sản xuất với DN chế biến, tiêu thụ hàng hóa; khuyến khích và hỗ trợ thành lập các liên hiệp HTX làm đầu kéo cho HTX thành viên tăng quy mô, phát triển sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

Sáu là, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Liên minh HTX Việt Nam trong phát triển KTTT, HTX; Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết, các quy định pháp luật, thúc đẩy phát triển KTTT, HTX; Đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện và tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách về kinh tế tập thể, HTX; Vận động thành lập HTX và xây dựng các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả...

Bảy là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực về quản lý nhà nước và quản trị sản xuất, kinh doanh cho khu vực KTTT, HTX; đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu và đưa các chương trình đào tạo về KTTT, HTX vào các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện công tác quy hoạch và sử dụng nguồn nhân lực một cách hợp lý, hiệu quả.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới vẫn là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

2. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp là nòng cốt để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

3. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp với nhiều hình thúc liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp phát triển có hiệu quả; góp phần hình thành chuỗi giá trị trong nông nghiệpgắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những mô hình liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp-hợp tác xã-nông dân gắn với ứng dụng công nghệ cao.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT. Thực hiện các chính sách hỗ trợ KTTT của Nhà nước đã ban hành; phát huy vai trò của Liên minh HTX, của Mặt trận Tổ quốc, của Hiệp hội doanh nghiệp và các đoàn thể nhân dân trong việc vận động, tuyên truyền quần chúng tham gia phát triển KTTT và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền kinh tế tập thể vững mạnh, trong đó nhân tố chủ chốt là các HTX nông nghiệp và thương mại dịch vụ. Khuyến khích tạo điều kiện thúc đẩy phát triển HTX nông nghiệp, đổi mới toàn diện về tổ chức, hoạt động của các HTX đảm bảo đúng nguyên tắc. Kiên quyết thực hiện giải thể đối với những HTX hiệu quả thấp, dừng hoạt động lâu ngày. Khắc phục những hạn chế yếu kém của các HTX, phát triển đa dạng các loại hình HTX, gắn sự phát triển các HTX với các chương trình, dự án trọng điểm như: Nông thôn mới, Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm OCOP", tái cơ cấu ngành nông nghiệp... Xây dựng mối liên kết sản xuất chặt chẽ trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao năng lực thích ứng với những biến động của thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở, gia tăng giá trị sản phẩm nông sản góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái.

Xây dựng và phát triển mô hình KTTT, HTX nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nhân dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia KTTT, HTX.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Số lượng HTX thành lập mới bình quân hàng năm 50-80 HTX, 15-20 THT được UBND xã, phường chứng thực hoạt động; riêng HTX nông nghiệp mỗi năm có ít nhất 30 HTX thành lập mới; thu nhập HTX tăng gấp 1,5 lần so với năm 2020;

- Toàn tỉnh có 243 Tổ hợp tác;

- 10 liên hiệp hợp tác xã, trong đó: 05 Liên hiệp hợp tác xã thương mại, 3 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và 02 lĩnh vực khác;

- 750 hợp tác xã; trong đó có khoảng 530 Hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp - tổng hợp, 10 Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 20 Hợp tác xã xây dựng, 03 Hợp tác xã tín dụng, 97 Hợp tác xã thương mại, 75 Hợp tác xã vận tải, 15 Hợp tác xã môi trường.

- Tốc độ tăng doanh thu hàng năm bình quân đạt 10%.

- Phấn đấu năm 2025, mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất từ 01 HTX dịch vụ tổng hợp điển hình hoạt động có hiệu quả theo Luật HTX năm 2012 và làm điểm của Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" trong việc tổ chức sản xuất, bao tiêu sản phẩm, xây dựng thương hiệu địa phương; đến năm 2025 có 70% HTX hoạt động có hiệu quả, trung bình 25%, yếu kém dưới 5%;

- Số thành viên tham gia HTX, THT tăng bình quân từ 5-7%/năm. Thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong HTX, THT đến năm 2025 tăng 2-3 lần so với năm 2020.

- Hàng năm bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn 900-1.000 lượt cán bộ quản lý HTX và Tổ trưởng THT. Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo trình độ đại học đạt khoảng 30% và trình độ trung cấp đạt khoảng 70%.

- Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển KTTT các cấp để phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo các cấp trong lĩnh vực KTTT.

- Đảm bảo 100% các Quỹ TDND cơ sở hoạt động kinh doanh có lãi, 100% xếp loại khá, giỏi, không có Quỹ TDND cơ sở bị thu hồi giấy phép kinh doanh; dư nợ cho vay tăng từ 12-15%/năm.

- Có ít nhất 04 mô hình Liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả.

- Tỷ trọng tổng sản phẩm của khu vực kinh tế tập thể (Bao gồm cả kinh tế của các thành viên) chiếm bình quân khoảng 1,2 - 1,3% GRDP cả tỉnh.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Định hướng chung

Để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thì sản xuất theo chuỗi giá trị có ý nghĩa vô cùng to lớn, nhất là nước ta đang hội nhập sâu rộng với quốc tế, sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là xuất khẩu. Do đó từng người dân hoặc HTX nhỏ lẻ không thể tự thực hiện được chuỗi sản xuất và tiêu thụ ở thị trường quốc tế mà phải liên kết giữa các nông hộ dưới tổ chức HTX và sau đó liên kết và kết nối với các doanh nghiệp thì mới có thể đủ năng lực đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế và tăng giá trị cho chuỗi sản phẩm nông nghiệp. Các loại hình sẽ phát triển đa dạng như: HTX kinh doanh tổng hợp cung ứng dịch vụ; HTX chuyên ngành sản xuất, cung ứng dịch vụ gắn với chuỗi giá trị. Phần lớn các HTX nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có nhận thức đúng về mô hình sản xuất gắn với chuỗi giá trị. Từ đó số lượng HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị ngày càng tăng, đang dần trở thành phương thức tổ chức sản xuất phổ biến để tăng trưởng quy mô, hiệu quả, phát triển bền vững ở khu vực nông nghiệp.

2. Định hướng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

- Đối với HTX nông nghiệp: Xây dựng và phát triển các HTX nông nghiệp kiểu mới, ứng dụng khoa học, công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị bằng các chương trình kế hoạch hằng năm và dài hạn trong phát triển HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị. Bên cạnh tranh thủ các chương trình hỗ trợ của Nhà nước sẽ đẩy mạnh huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân tự xây mới hoặc nâng cấp cơ sở chế biến theo hướng công nghiệp, hiện đại. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến

nhằm tăng dần tỷ trọng xuất khẩu hàng có giá trị gia tăng cao, giảm tỷ trọng hàng sơ chế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Đối với HTX dịch vụ: Phát triển cả về số lượng và chất lượng; tập trung phát triển những HTX thương mại cung ứng vật tư nông nghiệp, công cụ sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu cả ở địa bàn thành thị và nông thôn, HTX trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ với hình thức siêu thị tự chọn.

- Các loại hình khác: Nâng cao năng lực kinh doanh của các HTX, các thành viên, các hộ gia đình để có thể duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh, đủ sức cạnh tranh với thành phần kinh tế khác đồng thời xây dựng và phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương gắn với du lịch.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT, HTX

- Tập trung giáo dục, đào tạo, tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức cho toàn bộ hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ Luật Hợp tác xã năm 2012, bản chất mô hình HTX kiểu mới, hiểu rõ các giá trị và 7 nguyên tắc HTX, sự khác nhau giữa HTX kiểu cũ và kiểu mới; vai trò và lợi ích của tổ chức HTX trong phát triển nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội đất nước nói chung; tuyên truyền vị trí, vai trò của KTTT, HTX đối với nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt đối với nông nghiệp, nông dân; củng cố niềm tin của thành viên, HTX thành viên, cộng đồng xã hội về mô hình HTX kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Các cơ quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời biểu dương, tôn vinh những HTX điển hình, tiên tiến; giới thiệu các mô hình HTX hoạt động hiệu quả; phổ biến những kiến thức cơ bản và tình hình phát triển HTX trên địa bàn Tỉnh.

- Tổ chức phong trào phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 371/QĐ-BNN ngày 15/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6101/UBND-NLN3 ngày 18/8/2017.

- Công tác tuyên truyền về Luật HTX và các Nghị định của Chính phủ có liên quan cần được các cơ quan thông tin đại chúng như Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh phối hợp với các ngành, địa phương có kế hoạch cụ thể để tuyên truyền kịp thời tới cơ sở và mọi người dân.

- Xây dựng và triển khai các chương trình phối hợp để đưa công tác vận động, tuyên truyền vào nề nếp; cải tiến các nội dung thông tin tuyên truyền, đa dạng hình thức tuyên truyền để phù hợp với khả năng tiếp thu của từng đối tượng người nghe.

2. Hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách

Rà soát và hoàn thiện các chính sách pháp luật liên quan đến KTTT, HTX. Quốc hội nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật HTX cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay hoặc ban hành Luật HTX nông nghiệp. Trước mắt đề nghị Chính phủ nghiên cứu ban hành Nghị định về HTX nông nghiệp kiểu mới theo Luật HTX năm 2012 nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX nông nghiệp, đặc biệt khuyến khích các HTX tham gia chặt chẽ trong chuỗi giá trị. Đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, đặc biệt là chính sách về cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đất đai, tài chính - tín dụng, khoa học - công nghệ và thị trường. Mặt khác, có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với tổ chức KTTT hoạt

động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và đối tượng thành viên là nông dân nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biển đảo.

3. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX

- Kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về KTTT từ Trung ương đến địa phương, từ tỉnh đến huyện, thị xã; huy động cả hệ thống chính trị trong việc phát triển KTTT, HTX; đưa phát triển KTTT, HTX là một trọng tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX…

- Xây dựng chương trình đào tạo và có đầu tư ngân sách cho đội ngũ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý HTX. Cụ thể ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát. Các cán bộ HTX còn lại do ngân sách huyện, xã hỗ trợ đào tạo.

- Thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý, bố trí thêm cán bộ chuyên trách có chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, HTX ở các cấp tỉnh, huyện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của cấp tỉnh đối với Uỷ ban nhân dân cấp huyện; của Uỷ ban nhân dân cấp huyện đối với Uỷ ban nhân dân cấp xã; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể.

- Nghiên cứu, quy định tiêu chuẩn khen thưởng, lựa chọn và kiến nghị các hình thức khen thưởng tôn vinh các cá nhân và tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, có nhiều thành tích xuất sắc về các mặt kinh tế, văn hoá và xã hội.

4. Về nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, HTX, xây dựng mô hình HTX hiệu quả và tổng kết mô hình

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, HTX hiện có theo Luật HTX năm 2012, trên cơ sở rà soát, củng cố lại các HTX hiện có để thực hiện việc đánh giá phân loại một cách chính xác các HTX, tổ hợp tác để xác định quy mô, vốn, lao động... làm cơ sở cho việc tính toán hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng bản chất hợp tác xã, Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn; phát huy vai trò làm chủ của thành viên; vận động thành viên hợp tác xã góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động hợp tác xã thu hút thêm thành viên, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã cùng ngành nghề và địa bàn hoạt động để tăng tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động của hợp tác xã. Giải thể các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, hoạt động mang tính hình thức.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã kiểu mới, mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn từ 1-2 HTX để xây dựng mô hình HTX điển hình, kinh doanh có hiệu quả; các mô hình HTX phải được xây dựng theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012; các mô hình này phải được đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng, làm cơ sở cho các HTX tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

- UBND các địa phương tùy vào điều kiện thực tế, điều kiện HTX trên địa bàn hỗ trợ xây dựng, phát triển mô hình HTX điển hình về kinh doanh hiệu quả, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là HTX tham gia hiệu quả vào Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" (OCOP) của Tỉnh; khuyến khích phát triển mô hình HTX trong một số lĩnh vực như: HTX

nông nghiệp gắn với thương mại, dịch vụ; HTX sản xuất rau sạch; HTX vệ sinh môi trường; HTX khai thác thủy sản,...

- Giải thể các HTX chưa chuyển đổi hoặc không có khả năng chuyển đổi, HTX cũ đã chuyển đổi nhưng không hoạt động hoặc hoạt động hình thức.

5. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX

Khuyến khích hỗ trợ các đoàn thể chính trị xã hội, hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia thúc đẩy thành lập hợp tác xã; Huy động và cân đối các nguồn lực của địa phương đồng thời huy động các nguồn lực và sự hỗ trợ của các cá nhân, các tổ chức quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể. Phát triển hợp tác quốc tế về KTTT, HTX qua đó tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh. Khuyến khích thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của HTX về làm việc lâu dài tại HTX; tăng cường cán bộ nông nghiệp ở cơ sở có trình độ chuyên môn phù hợp đến hỗ trợ kỹ thuật tại các HTX thí điểm.

6. Về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT

Tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc vận động, giáo dục quần chúng, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động, phối hợp với các tổ chức thành viên trong việc phát triển KTTT.

7. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Đây là tổ chức đại diện cho quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các HTX và các thành viên. Vì vậy, Liên minh HTX cần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc chủ động đề xuất, tham gia với Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT. Đồng thời, kiến nghị các cơ quan chức năng xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các HTX phát triển và bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, tư vấn, đào tạo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, hướng dẫn thành viên hoạt động tuân thủ theo nguyên tắc của Luật HTX năm 2012 và các quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình của Liên minh HTX Việt Nam, vận động thành lập HTX, đề xuất đề án, giải pháp bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của thành viên HTX./.

Nơi nhận:
- Bộ KHĐT (b/c);
- Liên minh HTX Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Thành viên BCĐ phát triển KTTT tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- V0, V2, V4, NLN1, 3, TM4;
- Lưu: VT, NLN3 (10b, KH04).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khắng

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 204 /KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	**Hợp tác xã (HTX)**									
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%	1,7	1,22	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
2	Tổng số HTX	HTX	359	594	392	475	466	530	594	50,5
	Trong đó:									
	Số HTX đang hoạt động	HTX	341	564	362	453	443	513	564	
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	53	50	30	22	23	17	30	
	Số HTX thành lập mới	HTX	197	372	45	92	75	80	80	
	Số HTX giải thể	HTX	22	154	12	9	84	16	33	
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	343	300	116	190	200	250	300	
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	79.001	55.002	63.141	50.058	34.846	53.400	55.002	
	Trong đó:									
	Số thành viên mới	Thành viên	35.300	42.168	12.532	8.895	10.520	345	356	
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	71.679	52.063	56.615	48.640	32.496	51.027	52.063	
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	7.322	2.939	6.526	1.418	2.350	2.373	2.939	
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	0	0	0	0	0	0	0	
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	50.722	71.190	33.697	26.689	67.613	67.800	71.190	
	Trong đó:									
	Số lao động thường xuyên mới	Người	52.881	139.004	16.550	12.569	35.685	36.200	38.000	
	Số lao động là thành viên HTX	Người	47.329	33.600	18.596	14.120	13.838	32.000	33.600	
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	329.265	918.000	461.399	577.560	895.164	915.000	918.000	
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	947.333	1.500.000	1.034.014	924.096	1.432.262	1.432.574	1.500.000	
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	930	759	1.094	1.089	507	508	600	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Trong đó:									
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	196,8	425	501	307	467	700	700	
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	350	286	300	290	278	278	290	
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	16,8	53,4	28	35	67	68	69	
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	1.065	5.270	1.154	2.313	2.230	4.700	5.270	
	Trong đó:									
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	2.060	3.980	418	833	746	3.550	3.980	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	403	1.290	160	274	390	1.150	1.290	
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	74	300	82	115	232	260	300	
II	**Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)**									
1	Tổng số LH HTX	LH HTX	0	3	0	0	0	2	3	2,5
	Trong đó:									
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX		1				2	1	
	Số LH HTX giải thể	LH HTX		0				0	0	
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX								
2	Tổng số HTX thành viên	HTX		20				6	6	
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người		90				374	440	
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng						1000	1000	
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng						3000	3500	
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						300	2500	
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						0	100	
III	**Tổ hợp tác (THT)**									
1	Tổng số THT	THT	83	200	97	131	162	180	190	23,25

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Trong đó:									
	Số THT thành lập mới	THT								
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	83	190	97	131	162	180	190	
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	622	590	291	393	486	520	580	
3	Tổng số lao động trong THT	Người								
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm	170	270	182	193,5	195	230	270	
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm	36,66	35	24	25,9	27	30	35	

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 204 /KH-UBND ngày 18 /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện từng năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	**Hợp tác xã (HTX)**									
	Tổng số HTX	HTX	359	594	392	475	466	530	594	50,5
	Chia ra:									
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp - tổng hợp	HTX	223	381	227	265	288	341	381	
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	37	34	31	106	25	30	34	
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX	9	13	13	13	36	15	13	
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX	2	2	2	2	2	2	2	
5	Hợp tác xã thương mại	HTX	45	90	52	54	60	76	90	
6	Hợp tác xã vận tải	HTX	16	44	23	23	36	39	44	
7	Hợp tác xã môi trường	HTX	6	8	6	6	8	8	8	
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX								
9	Hợp tác xã khác	HTX	24	22	38	6	33	19	22	
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (LH HTX)**									
	Tổng số LH HTX	LHHTX		3				2	3	2,5
	Chia ra:									
1	LH HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp, tổng hợp	LHHTX	0	2	0	0	0	2	2	
2	LH HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX								
3	LH HTX xây dựng	LHHTX								
4	LH HTX tín dụng	LHHTX								

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện từng năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
5	LH HTX thương mại	LHHTX		1					1	
6	LH HTX vận tải	LHHTX								
7	LH HTX môi trường	LHHTX								
8	LH HTX nhà ở	LHHTX								
9	LH HTX khác	LHHTX								
III	**Tổ hợp tác (THT)**									
	Tổng số THT	THT	83	200	97	131	162	180	200	25,75
	Chia ra:									
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	47	110	53	94	95	101	110	
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	36	55	39	33	43	50	55	
3	THT xây dựng	THT	7						3	
4	THT tín dụng	THT								
5	THT thương mại	THT	10						2	
6	THT vận tải	THT								
7	THT môi trường	THT								
8	THT nhà ở	THT								
9	THT khác	THT								

Phụ lục 3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 204 /KH-UBND ngày 18 /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Nội dung chính sách	ĐVT	Giai đoạn 2016 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
				NTM	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác
	TỔNG					**65.253,87**	**125,88**				**29.430,79**	**125,88**
I	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX**					49.651,02	125,88		0		16.522,49	125,88
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX		2.412	0		4.021,62	125,88	622	0		1272,49	125,88
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người	0					0				
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	2.405	0		3.745,50		615	0		981,25	
1.3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người	7			276,12	125,88	7			291,24	125,88
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX										
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX	50	12		1.557,00		50			3000	
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX	30			16.355						
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ PT HTX	HTX	48			25.850		10			12.000	

STT	Nội dung chính sách	ĐVT	Giai đoạn 2016 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX										
	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ PT HTX	HTX	7				4.695	10			1.000	
5	Tạo điều kiện tham gia các CT mục tiêu, phát triển KT-XH		97									
6	Hỗ trợ thành lập mới	HTX	86			1.867,40		10			250,0	
7	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX										
II	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX NN**					**15.602,85**		**125,00**			**12.908,3**	**0,00**
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	HTX										
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất		18									
2.1	Số HTX được giao đất	HTX	8									
	Diện tích đất được giao	m^2	6.334									
2.2	Số HTX được thuê đất	HTX	10									
	Diện tích đất được thuê	m^2	310.477									
2.3	Số HTX được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX										
	Số tiền được miễn, giảm	Tr đồng										
3	Ưu đãi tín dụng	HTX	74			3.700,15		100			4.000	
3.1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX	74			3.700,15		100			4.000	
3.2	Số HTX được hỗ trợ lãi suất vay	HTX	74			3.700,15						

STT	Nội dung chính sách	ĐVT	Giai đoạn 2016 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	HTX										
5	Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị SXKD	HTX	15			6.870		5			1.908,30	
6	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	HTX	10			5.032,70		20			7.000	
III	**Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương**											

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 204 /KH-UBND ngày 18 /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2016-2020	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	**Hợp tác xã (HTX)**								
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%	1,22	1,3	1,3	1,4	1,4	1,5	1,4
2	Tổng sốHTX	HTX	594	620	649	680	718	750	38,75
	Trong đó:								
	Số HTX đang hoạt động	HTX	564	595	629	660	703	740	
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	50	25	20	20	15	15	
	Số HTX thành lập mới	HTX	80	83	86	89	97	102	
	Số HTX giải thể	HTX	33	16	16	15	13	12	
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	300	305	312	321	336	352	
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX	0	0	0	0	0	0	
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	55.002	63.008	70.075	76.107	80.808	84.428	
	Trong đó:								
	Số thành viên mới	Thành viên	356	1.678	2.437	3.436	4.145	4.983	
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	52.063	57.779	63.493	68.006	71.883	74.474	
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	2.939	3.542	4.125	4.646	4.759	4.946	
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	0	10	20	20	22	25	
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	71.190	77.641	82.369	85.171	87.298	91.246	
	Trong đó:								
	Số lao động thường xuyên mới	Người	38.000	40.277	41.232	42.551	43.553	46.398	
	Số lao động là thành viên HTX	Người	33.600	37.364	41.137	42.619	43.745	44.848	
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	918.000	936.664	962.911	999.692	1.045.732	1.117.091	
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	1.500.000	1.504.311	1.579.828	1.662.255	1.735.920	1.850.093,00	
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	600	679	750	837	924	965	
	Trong đó:								
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	69	75	80	82	119	119	
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	290	312	334	358	381	403	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2016-2020	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	69	71	73	75	78	83	
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	5.270	5.352	5.437	5.529	5.714	5.891	
	Trong đó:								
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	3.980	4.007	4.036	4.070	4.136	4.196	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	1.290	1.296	1.307	1.319	1.341	1.372	
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	300	306	312	318	327	346	
II	**Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)**								
1	Tổng số LH HTX	LH HTX	3	3	3	5	7	10	1,75
	Trong đó:								
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX	3	1	0	2	2	3	
	Số LH HTX giải thể	LH HTX		0	0	0	0	0	
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX		3	3	3	3	3	
2	Tổng số HTX thành viên	HTX	6	20	20	20	20	20	
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người	350	350	350	350	350	350	
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng	1000	1000	1000	1000	1000	1000	
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng	3500	3500	3500	3500	3500	3500	
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm	2500	2500	2500	2500	2500	2500	
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm	100	100	100	100	100	100	
III	**Tổ hợp tác (THT)**								
1	Tổng số THT	THT	200	206	212	220	231	243	9,25
	Trong đó:								
	Số THT thành lập mới	THT							
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	190	206	212	220	231	243	
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	580	597	617	640	672	710	
3	Tổng số lao động trong THT	Người	740	710	740	755	770	785	
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm	270	212	226	241	256	272	
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm	35	37	39	41	43	45	

Phụ lục 5

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 204 /KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	**Hợp tác xã (HTX)**							
	Tổng số HTX	HTX	620	649	680	718	750	33,75
	Chia ra:							
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp - tổng hợp	HTX	421	440	470	500	530	
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	34	34	34	35	36	
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX	15	14	14	14	13	
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX	2	2	2	3	3	
5	Hợp tác xã thương mại	HTX	92	100	102	104	108	
6	Hợp tác xã vận tải	HTX	45	46	46	48	48	
7	Hợp tác xã môi trường	HTX	8	8	8	9	9	
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX	0	1	2	2	2	
9	Hợp tác xã khác	HTX	3	4	2	1	1	
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (LH HTX)**		620	649	680	716	750	
	Tổng số LH HTX	LHHTX	3	4	5	7	10	1,75
	Chia ra:							
1	LH HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX	2	2	3	3	3	
2	LH HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX		1	1	1	1	
3	LH HTX xây dựng	LHHTX						
4	LH HTX tín dụng	LHHTX						
5	LH HTX thương mại	LHHTX	1	1	1	3	5	
6	LH HTX vận tải	LHHTX					1	
7	LH HTX môi trường	LHHTX						
8	LH HTX nhà ở	LHHTX						
9	LH HTX khác	LHHTX						
III	**Tổ hợp tác (THT)**							
	Tổng số THT	THT	206	212	220	231	234	7

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Chia ra:							
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	115	125	135	145	150	
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	57	57	60	63	66	
3	THT xây dựng	THT	3	3	3	3	3	
4	THT tín dụng	THT						
5	THT thương mại	THT	2	2	2	2	2	
6	THT vận tải	THT		2	2	2	2	
7	THT môi trường	THT		1	1	1	1	
8	THT nhà ở	THT		1	1	1	1	
9	THT khác	THT						

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 204 /KH-UBND ngày 18 /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
I	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX**								
1	**Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời gian ở HTX**		3.034	450	450	470	480	500	500
	Số người được cử đi đào tạo	Người							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng							
	Trong đó								
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng							
	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	3.020	900	900	900	900	900	4500
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	4.726,75	1500	1500	1500	1500	1500	7500
	Trong đó								0
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							0
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	4.726,75	1500	1500	1500	1500	1500	7500
	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở HTX								0
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	567,36		259,2	388,8	388,8	388,8	1425,6
	Trong đó								0
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							0
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	567,36		259,2	388,8	388,8	388,8	1425,6
2	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**								0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	100	20	20	20	20	20	100
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	4.557,0	600	600	600	600	600	3.000
	Trong đó								-
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							-
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	4.557,0	600	600	600	600	600	3.000
3	**Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới**								0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	30	5	6	7	8	10	36
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	16.355	5.000	6.000	7.000	8.000	10.000	36.000

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
	Trong đó								0
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							0
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	16.355	5.000	6.000	7.000	8.000	10.000	36.000
4	**Hỗ trợ về tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ HTX**								-
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	58	10	15	15	20	25	85
	Tổng số vốn được vay	Tr.đồng	37.850	10.000	15.000	15.000	20.000	25.000	85.000
5	**Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phải triển kinh tế xã hội**								0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	97	10	15	24	28	30	107
6	**Hỗ trợ thành lập mới**								0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	96						0
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	2.117,4						0
	Trong đó								0
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							0
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	2.117,4						0
II	**HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI HTX NÔNG, LÂM, NGƯ, DIÊM NGHIỆP**								
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		5	5	8	10	15	43
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng		3.000	3.000	4.800	6.000	9.000	25.800
	Trong đó								0
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							0
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		3.000	3.000	4.800	6.000	9.000	25.800
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất		18	2	3	5	7	10	27
	Số hợp tác xã được hỗ trợ giao đất	HTX	8						0
	Tổng diện tích đất được giao	m^2	6.334						0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ cho thuê đất	HTX	10						0
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m^2	310.477						0
3	Ưu đãi về tín dụng								0
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	74	10	15	15	20	30	90
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr.đồng	3.700,15	5.642,0	7.450,0	3.099,0	4.900,5	5.500,0	26.591,5
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX							

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng							
	Trong đó								
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng							
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	20	5	7	10	14	18	54,0
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	8.778,3	2.500	3.500	5.000	7.000	9.000	27.000
	Trong đó								
	Ngân sách trung ương	Tr.đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	8.778,3	2.500	3.500	5.000	7.000	9.000	27.000
III	**Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương**								